

## THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ PHÒNG NGỪA CHUẨN CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH NĂM 2018

Vũ Thị Thu Thủy<sup>1</sup>, Trương Tuấn Anh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Đại học Y khoa Vinh,

<sup>2</sup>Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định

### Tóm tắt

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh, năm 2018. **Phương pháp:** Áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng (mô tả cắt ngang có phân tích) kết hợp định tính trên 337 sinh viên đại học điều dưỡng năm thứ 2 Trường Đại học Y khoa Vinh. **Kết quả:** Có 5,9% sinh viên cử nhân điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn. Có 65,9% sinh viên có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn, 33,2% có thái độ trung tính và chỉ có 0,9% có thái độ tiêu cực trong phòng ngừa chuẩn. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ

về PNC. Sinh viên nữ có thái độ tích cực về PNC cao gấp 4,1 lần so với sinh viên nam với CI 95% (1,7 - 7,9). Sinh viên có thái độ tích cực thì có kiến thức về vệ sinh tay cao gấp 2,7 lần (95% CI: 1,3 - 3,5), kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn cao gấp 4,6 lần, kiến thức về vệ sinh ho và hô hấp cao gấp 3,7 lần so với sinh viên có thái độ chưa tích cực với CI 95% (1,8 - 7,2). **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có kiến thức đúng và thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn còn thấp. Sinh viên nữ có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn cao hơn sinh viên nam.

**Từ khóa:** Phòng ngừa chuẩn, sinh viên điều dưỡng.

## SITUATION AND SOME FACTORS RELATED TO STANDARD PRECAUTIONS KNOWLEDGE AND ATTITUDE OF NURSING STUDENTS OF VINH MEDICAL UNIVERSITY, 2018

### Abstract

**Objectives:** To describe the status of knowledge and attitudes towards standard prevention and to learn some factors related to standard knowledge and attitude of nursing students in Vinh University of Medicine, 2018. **Methods:** Apply quantitative research method (cross-sectional description with analysis). Qualitative combination on 337 undergraduate nursing students in Vinh Medical University. **Results:** 5.9% of nursing bachelors have knowledge of standard

prevention. 65.9% of the students had a positive attitude about prevention, 33.2% had a neutral attitude and only 0.9% had a negative attitude in prevention. attitude, PNC attitude. Female students have a positive attitude about PNC 4.1 times higher than male students with CI 95% (1.7 - 7.9). Students with positive attitude, knowledge about hand hygiene 2.7 times higher than CI 95% (1,3 - 3,5), knowledge about safe injection and prevention of sharp injury is high 4.6 times, knowledge about hygiene cough and respiration is 3.7 times higher than students with negative attitude with CI 95% (1.8 - 7.2). **Conclusion:** The proportion of nursing students with correct knowledge and positive attitudes toward standard

Người chịu trách nhiệm: Vũ Thị Thu Thủy

Email: Thuydhyvinh@gmail.com

Ngày phản biện: 6/6/2018

Ngày duyệt bài: 18/6/2018

Ngày xuất bản: 28/6/2018

*prevention is low. Female students have a positive attitude toward standard prevention than male students.*

**Keywords:** *standard precautions, nursing student.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phòng ngừa chuẩn (PNC) là các kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản áp dụng cho mọi người bệnh bất kể chẩn đoán và thời điểm chăm sóc. Phòng ngừa tiếp xúc với máu, dịch cơ thể, chất tiết, chất bài tiết, giảm thiểu lây truyền nhiễm trùng cho nhân viên y tế hoặc người bệnh khác [6]. Nhiễm khuẩn bệnh viện là hậu quả không mong muốn trong thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nhiễm khuẩn bệnh viện làm gia tăng tỷ lệ mắc bệnh, tăng sử dụng thuốc kháng sinh, kéo dài ngày nằm viện cho người bệnh, gia tăng chi phí điều trị và tăng tỷ lệ tử vong [1]. Thực hiện các biện pháp của phòng ngừa chuẩn đóng góp quan trọng vào việc giảm tỷ lệ mắc nhiễm khuẩn bệnh viện, giảm nguy cơ lây truyền bệnh cho nhân viên y tế và người bệnh cũng như từ người bệnh sang môi trường, góp phần làm tăng chất lượng khám chữa bệnh của bệnh viện [3]. Tại bệnh viện không chỉ có nhân viên y tế làm việc mà còn có cả sinh viên điều dưỡng tham gia thực tập lâm sàng để rèn luyện các kiến thức và kỹ năng chuyên môn đã học [2], [5]. Sinh viên chưa phải là điều dưỡng thực thụ, chưa được trang bị đầy đủ tất cả kiến thức chuyên môn và chưa thành thạo các kỹ năng lâm sàng, lại thường xuyên phải thay đổi môi trường thực tập do vậy sinh viên điều dưỡng cũng là một nhóm có nhiều nguy cơ tác động đến tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện [4]. Do vậy, kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế cũng như sinh viên điều dưỡng có vai trò quan trọng trong hoạt động giảm thiểu NKBV. Do vậy, việc nắm bắt rõ thực trạng kiến thức, thực hành phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng để cung cấp các bằng chứng làm cơ sở cho đề xuất, xây dựng chương trình đào tạo nâng cao kiến thức thực hành phòng ngừa chuẩn cho sinh viên điều dưỡng

cần ngay từ lúc bắt đầu tiếp xúc nghề nghiệp là hết sức cần thiết nhằm mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh, năm 2018.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành điều dưỡng bậc đại học hệ chính quy đang học tập chương trình năm thứ 2 tại Trường Đại học Y khoa Vinh trong năm học 2017 – 2018. *Tiêu chuẩn lựa chọn:* Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu. *Tiêu chuẩn loại trừ:* Sinh viên vắng mặt tại thời điểm lấy số liệu, sinh viên trong thời gian đang làm thủ tục bảo lưu kết quả học tập, hoặc chuyển trường.

### 2.2. Thời gian và địa điểm

Thời gian: tháng 9/2017 - 10/2018. Địa điểm: Trường Đại học Y khoa Vinh

### 2.3. Thiết kế nghiên cứu

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp định tính.

### 2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu định lượng: Chọn toàn bộ sinh viên năm thứ 2 đại học điều dưỡng hệ chính quy trong năm học 2017-2018 Trường Đại học Y khoa Vinh là đối tượng nghiên cứu, thực tế có 337 sinh viên đủ tiêu chuẩn chọn tham gia nghiên cứu.

Nghiên cứu định tính: Chọn có chủ đích 12 sinh viên gồm có cả nam và nữ; đối tượng cử tuyển và thi tuyển; đồng bằng và miền núi; có đầy đủ các bậc học lực (giỏi, khá, trung bình). Chia thành 2 nhóm, mỗi nhóm gồm 6 sinh viên tham gia thảo luận.

### 2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu định lượng: thu thập số liệu nội dung câu hỏi tự điền

Nghiên cứu định tính: tiến hành thảo luận nhóm với từng nhóm sinh viên và phỏng vấn sâu theo chủ đề.

**2.6. Bộ công cụ và tiêu chí đánh giá**

Bộ công cụ được phát triển theo 9 nội dung PNC đã được Bộ Y tế ban hành theo quyết định số 3671/QĐ - BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về “Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh” và quyết định số 5771/BYT-K2ĐT ngày 30/08/2012 của Bộ Y tế về tài liệu đào tạo phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Kiến thức được tính là đạt khi sinh viên có tỷ lệ trả lời đúng trên 70% tổng số câu hỏi.

Thái độ : Sử dụng thang đo Likert Scale, chia làm 5 mức độ, gộp mức rất đồng ý và mức đồng ý là 2 điểm thái độ tích cực, không có ý kiến gì 1 điểm trung tính, mức không đồng ý và rất không đồng ý 0 điểm thái độ tiêu cực.

**2.7. Đạo đức nghiên cứu**

Đề cương nghiên cứu được thông qua phê duyệt của hội đồng khoa học, hội đồng đạo đức của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định và Trường Đại học Y khoa Vinh trước khi tiến hành triển khai nghiên cứu. Sinh viên tham gia điều tra được thông báo mục đích của nghiên cứu, và có quyền từ chối hoặc đồng ý tham gia nghiên cứu.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1 Đặc điểm đối tượng nghiên cứu**

Tổng số có 337 sinh viên tham gia nghiên cứu. Trong đó 86,9% là nữ giới; đa số sinh viên đều có học lực khá và giỏi; 89,9% sinh viên đã được đào tạo về phòng ngừa chuẩn

**3.4. Các yếu tố liên quan tới kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn**

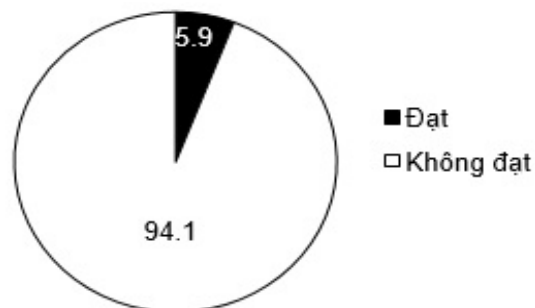
**Bảng 3.1** Mối liên quan thái độ và kiến thức tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn của sinh viên

Thái độ \ Kiến thức	Kiến thức		Tổng	<p><math>p &lt; 0,05</math>                      OR=4,6                      CI 95%                      (1,8 – 7,2)</p>
	Đạt	Không đạt		
Tích cực	147	75	222	
Không tích cực	34	81	115	
<b>Tổng</b>	181	156	337	

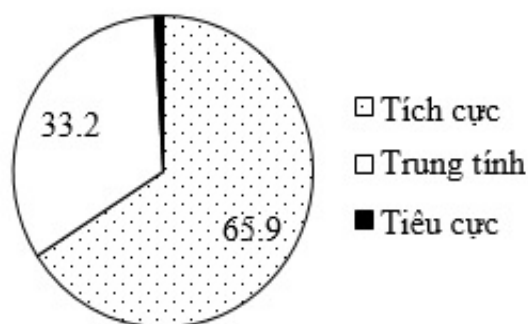
Sinh viên có thái độ tích cực thì có kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn cao gấp 4,6 lần so với sinh viên có thái độ tiêu cực CI 95% (1,8 – 7,2).

tuy nhiên chỉ có 81% sinh viên trả lời đã được nhận tài liệu về phòng ngừa chuẩn

**3.2. Kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn**



**Biểu đồ 3.1.** Kiến thức chung về phòng ngừa chuẩn



**Biểu đồ 3.2.** Thái độ về phòng ngừa chuẩn

Có 65,9% sinh viên có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn, 33,2% có thái độ trung tính và chỉ có 0,9% có thái độ tiêu cực trong phòng ngừa chuẩn.

**Bảng 3.2** Mối liên quan thái độ và kiến thức vệ sinh tay

Kiến thức \ Thái độ	Đạt	Không đạt	Tổng	<i>P</i> < 0,05 OR=2,7 CI 95% (1,3 – 3,5)
Tích cực	145	77	222	
Không tích cực	47	68	115	
<b>Tổng</b>	192	145	337	

Sinh viên có thái độ tích cực thì có kiến thức về vệ sinh tay cao gấp 2,7 lần so với sinh viên có thái độ tiêu cực CI 95% (1,3 – 3,5).

**Bảng 3.3** Mối liên quan thái độ và kiến thức ho và hô hấp

Kiến thức \ Thái độ	Đạt	Không đạt	Tổng	<i>p</i> = 0,003 OR=3,7 CI 95% (2,1 – 5,4)
Tích cực	165	57	222	
Không tích cực	50	65	115	
<b>Tổng</b>	215	122	337	

Sinh viên có thái độ tích cực thì có kiến thức về vệ sinh ho và hô hấp cao gấp 3,7 lần so với sinh viên có thái độ tiêu cực, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê CI 95% (2,1 – 5,4).

**Bảng 3.4.** Liên quan thái độ với các đặc điểm sinh viên với kiến thức PNC

Giới tính	Thái độ về PNC		<i>p</i> = 0,003 OR=4,6 CI 95% (1,7 - 7,9)
	Tích cực	Không tích cực	
Nữ	185	104	
Nam	11	29	

Sinh viên nữ có thái độ tích cực về PNC cao gấp 4,1 lần so với sinh viên nam CI 95% (1,7 - 7,9).

#### 4. BÀN LUẬN

##### 4.1. Kiến thức, thái độ của sinh viên về phòng ngừa chuẩn

Kiến thức về thời gian rửa tay chỉ có 31,5% sinh viên rửa tay biết trong rửa tay thường quy, thời gian tối thiểu là từ 40- 60 giây. Sinh viên thường không chú ý đến thời gian của rửa tay do thói quen thường bỏ bước khi rửa tay tại phòng thực hành. Kiến thức của sinh viên Trường Đại học Y khoa Vinh về thời gian thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu tương tự trong và ngoài nước của Nguyễn Thị Nga 57%, Mn. Huson Amin Ghalyala 85.42%.

Có 65,2% sinh viên cho rằng sử dụng găng thay thế cho rửa tay thường quy. Sử dụng dung dịch rửa tay chứa cồn có tỷ lệ

trả lời đúng từ 31,8% đến 65,8%. Các kiến thức về việc sử dụng các dung dịch chứa cồn thay thế chưa được cung cấp thường xuyên do đó kiến thức về nội dung này đạt tỷ lệ trả lời đúng chưa cao.

Tỷ lệ chấn thương do vật sắc nhọn trong thực tập lâm sàng của sinh viên đại học điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2015 là 60%, số lần mắc trung bình là 1,46 lần/6 tháng.

Nhóm kiến thức: không đập nắp bơm tiêm sau khi sử dụng để tránh tổn thương; vết thương do kim đâm không phải là gặp nhất trên lâm sàng; dự phòng tiếp xúc được sử dụng để quản lý các vết thương từ một người bệnh bị HIV, sinh viên nắm được rất ít dưới 20%.

Nhóm kiến thức về vệ sinh khi ho và hô hấp sinh viên đạt trên 64%, tương đương sinh viên Trường đại học Y Hà Nội. Khi tiếp

xúc với các người bệnh có các bệnh về hô hấp cần thiết phải đeo khẩu trang 63,1%; khi ho, nếu không có khăn tay nên dùng mặt trong khuỷu tay để che, không dùng bàn tay 65,8%; Khoảng cách hợp lí khi tiếp xúc (giao tiếp) với người bệnh có vấn đề đường hô hấp là 1m 64,6%; Sau khi tiếp xúc với dịch tiết đường hô hấp của người bệnh cần vệ sinh tay 78,6%; và các khoa phòng cần có kế hoạch quản lí các người bệnh có bệnh về đường hô hấp đạt tỷ lệ cao nhất 82,4%.

Các câu hỏi về sắp xếp người bệnh thích hợp có tỷ lệ trả lời đúng cao trên 76%. Các kiến thức này sinh viên có thể ghi nhận được ngay từ thực tế quan sát khi đi học lâm sàng, hoặc ngay tại các phòng lab, ngoài ra các kiến thức trên đã được cung cấp cho sinh viên khi học môn Vi sinh và môn KSNK.

Có 94,6% sinh viên trả lời đúng dụng cụ y tế tái sử dụng phải được xử lý trước khi sử dụng cho người bệnh khác. Dụng cụ thiết yếu, được sử dụng để đưa vào mô, mạch máu và khoang vô khuẩn phải được tiệt khuẩn, nhưng có 19,6% cho rằng khử khuẩn mức độ cao là được. Sự khác biệt tỷ lệ trên do sinh viên ít không được tiếp xúc với các dụng cụ thiết yếu: dụng cụ thông tiểu, thông mạch máu... do vậy sinh không biết kiến thức này là phù hợp. *“thực hành thông tiểu ở trường chỉ làm trên mô hình nên dụng cụ không phải hấp sấy và bọc trong gói”*. Những kiến thức về xử lý dụng cụ y tế là những kiến thức chuyên sâu, sinh viên chỉ được học một phần nhỏ nội dung trên trong môn Vi sinh và môn KSNK. Thực tế sinh viên chưa đi lâm sàng nên chưa tiếp xúc với người trực tiếp làm sạch và xử lí dụng cụ. Do vậy chưa có nhiều sinh viên trả lời đúng các câu hỏi về nội dung này.

Trên 74% sinh viên trả lời đúng các câu hỏi về phân loại đồ vải tại cơ sở phát sinh, vận chuyển đồ vải có thấm máu và dịch, cách thu gom đồ vải thường và đồ vải có nguy cơ lây nhiễm, xử lí đồ vải bẩn. Chỉ có 22,3% sinh viên trả lời đúng câu hỏi về xử lí đồ vải cho người bệnh HIV. Kiến thức về phân loại và xử lí đồ vải sinh viên đã được học lý thuyết tuy nhiên nội dung này ít được thực hành tại

phòng lab ở trường do nên sinh viên nắm chưa vững kiến thức nội dung này. Mà tại bệnh viện, công việc phân loại, thu gom đồ vải, xử lí đồ vải bẩn do hộ lí thực hiện, sinh viên chưa đi lâm sàng nên không được tiếp cận thực tế lĩnh vực này do vậy một số kiến thức chuyên sâu về xử lí đồ vải đối với người bệnh HIV/AIDS có tỷ lệ trả lời đúng chưa cao.

Các câu về xử lí rác thải ban đầu chất thải nguy cơ lây nhiễm cao, tiêu hủy chất thải thông thường, đặc biệt các câu về khoảng cách lưu giữ chất thải có tỷ lệ trả lời đúng chưa cao. 86,3% sinh viên có kiến thức đúng về chất thải y có nên tỷ lệ trả lời đúng cao Câu hỏi về cách xử lí ban đầu các chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao và tiêu hủy chất thải thông thường có tỷ lệ trả lời đúng 17,3%. Chỉ có 17% sinh viên trả lời đúng các câu hỏi về khoảng cách lưu giữ chất thải y tế các nơi công cộng.

#### 4.2. Mối liên quan đến kiến thức, thái độ về PNC của sinh viên

Trong nghiên cứu này chưa tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức về phòng ngừa chuẩn với một số đặc điểm cá nhân sinh viên như: Giới tính, dân tộc, đào tạo về PNC, thái độ về PNC. Kiến thức chung về PNC gồm nhiều nhóm như: vệ sinh tay, tiêm an toàn, xử lí chất thải y tế, ... trong mỗi nhóm lại nhiều với các kiến thức chi tiết nhỏ nên sinh viên khó nhớ *“mặc dù học rồi nhưng nhiều điều quá, hơn nữa mỗi điều lại chi tiết tỉ mỉ nên bọn em khó nhớ hết”* do vậy tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt rất thấp.

Bên cạnh đó, sinh viên năm 2 chưa đi thực tập lâm sàng nên sinh viên chưa có kinh nghiệm thực tế trong các vấn đề xử lí chất thải y tế, đồ vải, sắp xếp người bệnh... do vậy kiến thức sinh viên chưa được củng cố. Sinh viên nhớ đúng các kiến thức về nhóm vệ sinh khi ho và hô hấp 64%, tiêm an toàn và phòng chống tổn thương do vật sắc nhọn 54%, *“vừa rồi có bạn khoá trên phải điều trị dự phòng HIV do kim đâm vô tay, chúng em sợ lắm nên phải cẩn thận”*, vệ sinh tay 57% *“học thực hành vệ sinh tay các Cô dạy rất kĩ và phải làm đi làm lại nhiều lần và về nhà tự thực hành được nên chúng em nhớ rõ”*.

Đây là nhóm kiến thức thiết thực, sinh viên hình dung được ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe sinh viên nếu không tuân thủ 2 điều kiện đó, do vậy kiến thức đúng chiếm tỷ lệ cao hơn. Sinh viên có thái độ tích cực thì có kiến thức về vệ sinh tay cao gấp 2,7 lần, kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn cao gấp 4,6 lần, kiến thức về vệ sinh ho và hô hấp cao gấp 3,7 lần so với sinh viên có thái độ tiêu cực, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ . Sinh viên quan tâm kiến thức về các lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn của bản thân, và hình dung được các tác hại nếu không tuân thủ điều kiện đó. Nhóm các kiến thức xử lý dụng cụ, xử lý đồ vải, sắp xếp người bệnh ... chưa có kinh nghiệm thực tế nên tỷ lệ đạt kiến thức thấp hơn. Mặc dù chưa tìm thấy yếu tố nguy cơ liên quan đến kiến thức PNC của sinh viên Trường Đại học Y khoa Vinh nhưng qua số liệu mô tả cho thấy kiến thức của sinh viên rất thấp. Đây là điều hết sức nguy hiểm nếu với tình trạng kiến thức như vậy mà sinh viên đi thực tế lâm sàng thì có nguy cơ rất cao ảnh hưởng đến an toàn của sinh viên và người bệnh. Cần đào tạo lại kiến thức về PNC cho tất cả sinh viên để sinh viên có đủ kỹ năng cần thiết bảo vệ bản thân trong suốt quá trình học thực hành lâm sàng. Sinh viên nữ có thái độ tích cực về PNC cao gấp 4,1 lần so với sinh viên nam, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $OR=4,1$  CI 95% (1,7 - 7,9). Đặc tính nghề nghiệp điều dưỡng thường có số lượng nữ nhiều hơn nam giới ngay trong lúc học hay hành nghề về sau. Sinh viên nữ có tính cẩn thận hơn so với nam do vậy quan tâm trong việc học tập các điều kiện đảm bảo an toàn cho bản thân.

## 5. KẾT LUẬN

Kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên trường đại học y khoa Vinh năm 2018: có 5,9% sinh viên cử nhân điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn. Có 65,9% sinh viên có thái độ tích cực về phòng ngừa chuẩn, 33,2% có thái độ trung tính và chỉ có 0,9% có thái độ tiêu cực trong phòng ngừa chuẩn.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn: sinh viên nữ có thái độ tích cực về PNC cao gấp 4,6 lần so với sinh viên nam với CI 95% (1,7 - 7,9). Sinh viên có thái độ tích cực thì có kiến thức về vệ sinh tay cao gấp 2,7 lần CI 95% (1,3 - 3,5), kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn cao gấp 4,6 lần CI 95% (1,8 - 7,2), kiến thức về vệ sinh ho và hô hấp cao gấp 3,7 lần so với sinh viên có thái độ chưa tích cực với  $p < 0,05$ .

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2012). *Quyết định số: 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 09 năm 2012 hướng dẫn thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn.*
2. Trường Đại học Y khoa Vinh (2015). *Quyết định số 115 ngày 23/4/2015 ban hành chương trình chi tiết ngành đại học Điều dưỡng sửa đổi, Nghệ An.*
3. Australian Government (2010). *Australian Guideline for the Prevention and Control of Infection and Healthcare, National Health and Medical Research Council.* <https://www.nhmrc.gov.au/guidelines-publications/cd33>
4. CDC (2008). *Workbook for designing implementing, and evaluating a sharps injury prevention program.* [https://www.cdc.gov/sharpsafety/pdf/sharpsworkbook\\_2008.pdf](https://www.cdc.gov/sharpsafety/pdf/sharpsworkbook_2008.pdf)
5. Oh H. Kim KM (2015). *Clinical Experiences as Related to Standard Precautions Compliance among Nursing Students: A Focus Group Interview Based on the Theory of Planned Behavior.* *Asian Nurs Res (Korean Soc Nurs Sci)*, 9(2).
6. WHO (2007). *Standard precautions in health care*, truy cập ngày 24/8/2017, web [http://www.who.int/csr/resources/publications/EPR\\_AM2\\_E7.pdf?ua=1](http://www.who.int/csr/resources/publications/EPR_AM2_E7.pdf?ua=1).
7. Lê Thị Nga (2016). *Kiến thức, thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên tại Đại học Y Hà Nội*, Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội.